

CÁC BIỂU THỨC CHIẾU VẬT “SÔNG HƯƠNG” TRONG TÙY BÚT “AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG” CỦA HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

Nguyễn Thị Thu Nga, Đặng Minh Thảo

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết sử dụng lý thuyết chiếu vật (*Reference Theory*) của Ngữ dụng học (*Pragmatics*) để tìm hiểu các biểu thức chiếu vật sông Hương trong tùy bút “Ai đã đặt tên cho dòng sông” của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tập tùy bút đã sử dụng 142 biểu thức chiếu vật với các phương thức như: Chiếu vật tên riêng, chiếu vật miêu tả, chiếu vật chỉ xuất không gian, chiếu vật chỉ xuất thời gian, chiếu vật chỉ xuất nhân xưng. Có thể nói, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã sử dụng đa dạng các phương thức chiếu vật để đưa sông Hương vào thiên tùy bút. Chất liệu cấu thành các biểu thức này là một hệ thống từ ngữ đa dạng, phong phú kết hợp với các biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh mới lạ. Các biểu thức chiếu vật này làm cho sông Hương hiện lên vô cùng rõ nét từ những góc nhìn khác nhau, với vẻ đẹp vừa thơ mộng, trữ tình lại không kém phần khoáng đạt, mạnh mẽ; trong cái đẹp vẻ diện mạo bề ngoài là bề dày lịch sử, những lớp trầm tích văn hóa lắng sâu của một dòng Hương đa sắc thái, như món bảo vật mà thiên nhiên ưu ái ban tặng cho Huế. Bên cạnh đó, các biểu thức chiếu vật còn cho thấy cách sử dụng ngôn ngữ uyên bác, tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Từ khóa: Biểu thức chiếu vật, sông Hương, biện pháp tu từ.

Nhận bài ngày 05.10.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.10.2020

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Nga; Email: nttnga@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các tri thức ngôn ngữ học đóng vai trò thế nào trong việc giúp tiếp nhận một văn nghệ thuật? Bài viết trình bày một trường hợp nghiên cứu: sử dụng Lý thuyết Chiếu vật (*Reference Theory*) để tìm hiểu, giải mã một văn bản thuộc thể loại tùy bút. Chiếu vật được coi là hành vi ngữ dụng đầu tiên, khi người nói sử dụng các biểu thức ngôn ngữ để đưa “vật” trong thực tại vào diễn ngôn. Tùy bút là một thể loại văn xuôi tự do bộc lộ rõ nhất cảm thức và phong cách ngôn ngữ của nhà văn, sự trau chuốt, tinh tế và tài hoa của ngôn từ. Đọc tùy bút, không thể không lưu tâm đến việc giải mã các biểu thức chiếu vật (BTCV) được sử dụng như một phương tiện hữu hiệu để xây dựng hình tượng nghệ thuật. Tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng*

sông (Hoàng Phủ Ngọc Tường) là một thiên tùy bút sâu về nội dung, đẹp về hình thức, rung động về mặt cảm xúc, trong đó hình tượng sông Hương được xây dựng từ sự đa dạng của các góc nhìn chiếu vật, sự đặc sắc của các BTCV.

2. NỘI DUNG

2.1. Cấu trúc của các biểu thức chiếu vật

Tập tùy bút sử dụng 142 BTCV chỉ sông Hương, với các phương thức chiếu vật khác nhau: Chiếu vật tên riêng (32 biểu thức), chiếu vật bằng biểu thức miêu tả (23 biểu thức), chiếu vật chỉ xuất không gian (42 biểu thức), chiếu vật chỉ xuất thời gian (7 biểu thức), chiếu vật chỉ xuất nhân xưng (24 biểu thức), nội chỉ hồi chỉ (4 biểu thức).

2.1.1. Biểu thức chiếu vật tên riêng

Đây là BTCV gồm 1 danh từ chung chỉ sự vật là “sông” và danh từ riêng “Hương”, là tên gọi được sử dụng cho đến ngày nay. Ngoài ra, Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng sử dụng một tên gọi khác của dòng sông là “Linh Giang” trong sách *Dư địa chí* (1435) của Nguyễn Trãi. Tập tùy bút mang tên gọi “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*”. Nếu chỉ đọc qua nhan đề, người đọc chưa thể xác định được biểu thức “dòng sông” ở đây là chỉ dòng sông nào. Muốn nhận biết được sự vật – nghĩa chiếu vật đang được nói tới thì cách đơn giản và thường dùng nhất là viết ra tên riêng của chúng - sử dụng BTCV tên riêng “Sông Hương”. Từ đó, người đọc có thể nắm rõ được đối tượng chính của tác phẩm để có cách nhìn nhận và đánh giá phù hợp BTCV “sông Hương” xuất hiện xuyên suốt và có ý nghĩa quan trọng: vừa là hình ảnh trung tâm, là linh hồn của tập tùy bút; vừa biểu hiện cách nhìn và sự lí giải của Hoàng Phủ Ngọc Tường về cách đặt tên cho dòng sông: tên gọi của dòng sông mang theo ước vọng của con người, đem “cái đẹp” và “tiếng thơm” để xây đắp văn hóa lịch sử.

2.1.2. Biểu thức chiếu vật miêu tả

Các đối tượng trong BTCVMT muốn xác định được cần có sự suy ý, và thường xét trên 2 phương diện: phạm trù sự vật và đặc điểm miêu tả.

2.1.3. Danh từ trung tâm xác định phạm trù sự vật

Thành phần trung tâm là một hệ thống danh từ vô cùng đa dạng bao gồm các danh từ chỉ sự vật và các danh từ chỉ người: *Cô gái Di gan, người con gái, người mẹ, người tài nữ, bản trường ca, bản lĩnh, tâm hồn, mặt hồ, dòng sông, con sông,...* Nhà văn có cái nhìn thiên tính nữ khi gắn dòng sông với vẻ đẹp của một người con gái, một người mẹ. Từ đó, nó mang những nét tính cách đa chiều: vừa đầm thắm, dịu dàng lại có lúc mạnh mẽ, tự do, man dại. Trong tập tùy bút, có 9/24 BTCVMT sử dụng danh từ chung là “con sông” và “dòng sông” làm thành tố trung tâm. Đây là danh từ chung để chỉ quy chiếu sự vật sông Hương theo nghĩa gốc, dễ nhận biết nhất, giúp người đọc thu hẹp được vòng tròn suy luận, khoanh vùng đối tượng và thêm các miêu tả tố phía sau cùng ngữ cảnh để xác định nghĩa chiếu vật sông Hương. Tuy nhiên, với 15 BTCVMT còn lại, danh từ trung tâm lại không thể hiểu theo nghĩa gốc của nó để quy chiếu sự vật. Vì các danh từ: *Bản trường ca, bản lĩnh, tâm hồn, mặt hồ,...* nếu hiểu theo nghĩa gốc sẽ quy chiếu đến các sự vật khác trong cuộc sống. Lúc này, cần phải dựa vào ngữ cảnh trong đoạn văn để xác định đối tượng. Nét độc đáo của 15 biểu thức này

nằm ở việc nhà văn đã kết nối nét tương đồng giữa các sự vật khác với sông Hương, dùng chính các sự vật ấy để quy chiếu đối tượng miêu tả của mình.

2.1.4. *Yếu tố miêu tả nêu lên đặc điểm của sự vật*

Các yếu tố miêu tả trong BTCVMT "sông Hương" nêu lên đặc điểm của đối tượng để nhận biết trên 5 phương diện sau:

Nhóm các tính từ chỉ **đặc điểm**: *rầm rộ, mãnh liệt, dịu dàng, say đắm, phóng khoáng, man dại, gan dạ, tự do, trong sáng, mơ màng, mềm, yên tĩnh, nhỏ nhắn, oanh liệt, xa xôi, dịu dàng, xinh đẹp*; Nhóm các động từ (CĐT) chỉ **hoạt động, trạng thái**: *nằm ngủ mơ màng, đánh đàn, chiến đấu, vẽ vang soi bóng, sống, biến đời mình làm một chiến công, ko ngừng đổi sắc*; Nhóm các danh từ (CDT) chỉ **địa điểm**: *rừng già, một vùng văn hóa xứ sở, cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại, viễn châu, biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt, kinh thành Phú Xuân, đất nước các vua Hùng, biên thùy xa xôi, đất nước, quê hương*; Nhóm các CTT chỉ **sự so sánh**: *như tấm lụa, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu*; Nhóm các CDT chỉ **thời gian**: *những thế kỷ trung đại, thế kỷ 19, đêm khuya*.

2.1.5. *Biện pháp tu từ, số lượng tiếng trong biểu thức chiếu vật miêu tả*

- Về biện pháp tu từ, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã sử dụng so sánh, nhân hóa kết hợp với liên tưởng tượng tượng để tăng giá trị gợi hình, gợi cảm và uyển chuyển cho sự diễn đạt. Đa số các BTCVMT đều sử dụng phép tu từ với 15/23 biểu thức.

- Về số lượng tiếng, biểu thức có số lượng tiếng ít nhất là “người/con/gái” (3 tiếng), biểu thức có số lượng tiếng nhiều nhất là “Dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỷ trung đại” (26 tiếng). Số lượng tiếng (từ) cấu tạo nên một BTCVMT có độ dài ngắn khác nhau. Tuy nhiên, các yếu tố miêu tả không cần thật nhiều, thật đầy đủ, chỉ cần nêu ra một vài dấu vết mà dựa vào đó người nghe xác định được nghĩa chiếu vật của BTCV là được. Vì vậy, các BTCVMT trên tuy khác nhau về số lượng tiếng nhưng đều có mức độ nhận biết tương đương nhau, đủ để người đọc hiểu nghĩa chiếu vật của biểu thức. Các BTCVMT có sức khái quát cao về hình ảnh, có tính hình tượng, làm cho dòng sông hiện ra rất sinh động và có linh hồn. Nhờ vậy, các BTCVMT đã giúp người đọc có thể nhận biết sông Hương thông qua những đặc tính cơ bản, càng hiểu thêm những nét đẹp đa dạng của dòng sông: hùng vĩ, hoang sơ lại thơ mộng, trữ tình, có chiều sâu văn hóa – lịch sử.

2.1.6. *Biểu thức chiếu vật chỉ xuất không gian*

Các BTCV chỉ xuất không gian xác định vị trí của sông Hương so với một điểm mốc nào đó, mở ra hình ảnh dòng sông trong góc nhìn địa lý và góc nhìn văn học.

- Các biểu thức là định vị khách quan gồm 3 nhân tố sau:

+ Sự vật được chỉ xuất/ nghĩa chiếu vật: Sông Hương (Y)

+ Sự vật mốc (X), bao gồm: Các địa điểm như Trường Sơn, hai dãy đồi sừng sững như thành quách, những xóm làng trung du, vùng ngoại ô Kim Long, thành phố Huế, vùng ngoại ô Vỹ Dạ. Các tác phẩm văn học của Tản Đà, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan, Tố Hữu.

+ Hướng: Trong, giữa.

- Các biểu thức là định vị chủ quan gồm 2 nhân tố sau:

+ Sự vật được chỉ xuất/ nghĩa chiều vật: Sông Hương (Y)

+ Các chỉ từ: Đây, đó, ấy, kia, này

Có thể chia các BTCV chỉ xuất không gian thành năm dạng có cấu trúc như bảng 2.1. sau đây:

Bảng 2.1. Cấu trúc các BTCV chỉ xuất không gian

STT	Cấu trúc	Số lượng	Chức năng định vị
1	Sông Hương/nó + động từ + giới từ chỉ hướng (trong, giữa) + CDT chỉ nơi chốn.	12	Sông Hương qua bốn chặng: thượng nguồn, ngoại vi thành phố Huế, trong lòng thành phố Huế và ra ngoài thành phố Huế
2	Trước/khi/trước khi + động từ + danh từ chỉ địa điểm, nơi chốn	8	
3	Danh từ chỉ sự vật + Từ chỉ hướng + sông Hương	12	Các sự vật tồn tại gần với sông Hương
4	CDT + từ chỉ hướng (trong) + danh từ/CDT + của + tên tác giả, tác phẩm văn học	5	Sông Hương trong nền văn học
5	Danh từ/ động từ + chỉ từ (đây, đó, ấy, kia, này)	15	Khoảng cách sự vật xa, gần so với điểm mốc – vị trí quan sát của tác giả

2.1.7. Biểu thức chiều vật chỉ xuất thời gian

Cấu tạo chung của 7 biểu thức này đều là cụm danh từ. Thành phần phụ trước chủ yếu là lượng từ chỉ số nhiều “những”. Thành phần trung tâm là các danh từ chung chỉ thời gian: “thế kỉ”, “mùa xuân”. Thành phần phụ sau là danh từ riêng (“Mậu Thân”, “Cách mạng Tháng Tám”) hoặc số từ (“mười tám”, “mười chín”) để xác định mốc sự kiện cụ thể. Thành phần phụ sau còn là động từ và tính từ bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm (“vinh quang”, “qua đi”). Các biểu thức chỉ xuất thời gian đã mở ra một sông Hương trong góc nhìn lịch sử. Mỗi một biểu thức là một dấu mốc lịch sử để định vị sông Hương trong dòng thời gian từ thời Hùng Vương dựng nước đến thời đại chống Mỹ cứu nước.

2.1.8. Biểu thức chiều vật chỉ xuất nhân xưng

Biểu thức chỉ xuất nhân xưng được sử dụng nhiều nhất trong bài là “nó” với số lần sử dụng là 24 lần. Đây là đại từ nhân xưng hô thuộc ngôi thứ 3, số ít. Văn bản là phương tiện giao tiếp giữa tác giả và người đọc. Nhà văn làm điểm mốc, ở ngôi thứ nhất, xưng “tôi”. Sông Hương được nhắc đến ở ngôi thứ ba, là sự vật được nói tới trong diễn ngôn chứ không tham gia trực tiếp vào cuộc giao tiếp. Tiếng Việt có một hệ thống đại từ xưng hô vô cùng phong phú và đa dạng, thể hiện vai xã hội, quan hệ trong giao tiếp nên việc lựa chọn để sử dụng sao cho hợp lí là vô cùng cần thiết. Ở đây, nhà văn lựa chọn gọi con sông là “nó” là

phù hợp, đây cũng là cách gọi phổ biến cho các sự vật trong đời sống dù cho không thể hiện được nhiều thái độ, tình cảm của người viết như nhiều đại từ xưng hô khác. Về mặt diễn đạt, ngôi thứ ba được sử dụng để chiếu vật “sông Hương” tránh việc lặp lại từ ngữ nhiều lần mà không cần thiết.

2.1.9. Biểu thức chiếu vật nội chỉ hồi chỉ

Các biểu thức chiếu vật nội chỉ hồi chỉ thể hiện song song được cả vẻ đẹp của sông Hương và Huế, có cấu trúc chung như sau: Câu (1) + [Đại từ + là + cụm danh từ - vị ngữ] ở câu (2). Câu (1) là biểu thức nêu tiền đề: “giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch, và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ...”, “điệu chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố”, “một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa...”, “giống như nàng Kiều trong đêm tình tự”.

Các đại từ “đấy”, “đó” là biểu thức thay thế và làm chủ ngữ ở câu (2), khẳng định những điều được nói đến ở biểu thức tiền đề cũng chính là vẻ đẹp của sông Hương. Vị ngữ của câu thứ (2) là một CDT, mô tả một dòng sông mang nét tính cách trầm mặc, sâu lắng; một dòng sông êm đềm như “điệu slow tình cảm”; một dòng sông với sương khói mang màu tím huyền ảo, mộng mơ. Tất cả đã làm nên một dòng sông mang đậm bản sắc văn hóa Huế. Về mặt diễn đạt, các biểu thức thay thế trong có tính chất hồi chỉ có chức năng nối kết các câu, đảm bảo sự liên kết, mạch lạc và uyển chuyển trong diễn đạt.

2.2. Giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng và giá trị nghệ thuật của phép chiếu vật

2.2.1. Phép chiếu vật thể hiện vẻ đẹp đa dạng của sông Hương

Các BTCV miêu tả, BTCV nội chỉ hồi chỉ ra những đặc điểm riêng về vẻ đẹp của sông Hương để nhận biết, phân biệt và tách rời nó khỏi các sự vật cùng loại khác. Các BTCV chỉ xuất không gian và BTCV chỉ xuất thời gian định vị sông Hương trong mối quan hệ với một không gian, một sự kiện nào đó. Từ đó, kết hợp các phương thức chiếu vật cùng với việc dựa vào ngữ cảnh trong văn bản – các yếu tố ngôn ngữ trước và sau các BTCV, ta có cái nhìn tổng quát về sông Hương, thấy được vẻ đẹp đa dạng của nó dưới mọi góc nhìn.

2.2.2. Vẻ đẹp của sông Hương dưới góc nhìn địa lí

Sông Hương ở thượng nguồn mạnh mẽ, hoang dại, phóng khoáng, hồn nhiên nhưng vẫn dịu dàng, say đắm. Tính cách của sông Hương trong mối quan hệ với rừng già Trường Sơn được khắc họa đầy ấn tượng qua BTCVMT: “*Một bản trường ca của rừng già*”, “*một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại*”. Trong mối liên hệ ấy, dòng sông hiện ra với nét đẹp man dại, đầy cá tính nhưng cũng rất hồn nhiên, đẹp đẽ. Ra khỏi rừng Trường Sơn, sắc xanh của nước sông Hương phối cảnh hài hòa với màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng, khiến con sông chảy giữa lòng Trường Sơn u tịch mà không hề trầm mặc, mang vẻ đẹp dịu dàng và say đắm như “*một người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở*”.

Sông Hương ở ngoại vi thành phố Huế dịu dàng, trí tuệ, trầm mặc, cổ thi. Giống như một người con gái đang trong cuộc hành trình tìm về với người mình yêu, sông Hương trở nên trẻ trung và tràn đầy sức sống. Huế đã đánh thức những nét đẹp tiềm ẩn của nó: duyên dáng,

nhẹ nhàng và thơ mộng. Và cũng chính tại vùng ngoại vi này, đi qua một vùng đất chứa đựng những lớp trầm tích văn hóa Huế, sông Hương đã mang một vẻ đẹp riêng mà không một dòng sông nào có được. Sông Hương là biểu tượng của thành phố thơ mộng ấy, phần tâm hồn dịu dàng nhất, “một nửa cuộc đời” của nó thuộc về cố đô và con người Huế. Làn nước xanh thăm mênh mông, phẳng lặng êm trôi đã cùng với Huế trưởng thành. Trong mỗi gắn kết đến mức hòa quyện không thể tách rời ấy, bao nhiêu năm qua đi, sông Hương đã mang màu sắc Huế, mang tâm tình Huế.

Sông Hương ở trong lòng thành phố Huế dịu dàng và êm đềm. Các BTCVMT lưu tốc dòng nước: “*một mặt hồ yên tĩnh*”, “*một điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế*” tái hiện mặt nước chồn kinh thành phẳng lặng và dịu êm vô cùng. Đây là vẻ đẹp dịu dàng của riêng sông Hương, cũng là nét vẽ nhẹ nhàng cho bức tranh xứ Huế thêm thơ mộng, yên bình. Nếu như nuối tiếc vì các dòng sông khác trôi đi quá nhanh để chưa kịp trao đi một lời nhắn gửi, Hoàng Phủ Ngọc Tường lại nhớ về sông Hương trong niềm yêu mến điệu chạy lặng tờ của nó.

Sông Hương chảy ra khỏi thành phố Huế lưu luyến, thủy chung. Cuộc chia tay của Huế và sông Hương được đặt trong phong nền là vẻ đẹp của vùng ngoại ô Vĩ Dạ với những mái nhà xưa, không gian biếc xanh một vùng, mảnh đất trữ tình từng đi vào trang thơ của biết bao thi sĩ. Mang theo nỗi luyến lưu, trước khi về biển cả, nó đã đổi dòng để kịp gặp thành phố lần cuối. Tình cảm của sông Hương giành cho Huế thật sâu đậm mà trong liên tưởng của nhà văn, nó như câu chuyện giữa nàng Kiều và Kim Trọng. Và trong chuyện tình ấy, sông Hương mãi thủy chung với thành phố thân yêu của mình.

2.2.3. Vẻ đẹp của sông Hương dưới góc nhìn lịch sử

Sông Hương trong dòng lịch sử là một bản anh hùng ca của những năm tháng tuy đau thương mà đầy kiêu hãnh. Các BTCV chỉ xuất thời gian nối tiếp nhau tạo thành một chuỗi sự kiện lịch sử bắt đầu từ thời Hùng Vương dựng nước đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cả chiều dài lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc, sông Hương đã lặng lẽ vắt qua những miền thời gian, là nhân chứng cho những năm tháng đấu tranh của dân tộc, gánh chịu tất cả sự tàn phá của bom đạn kẻ thù cùng Kinh thành Huế mà vẫn hiên ngang bất bại, vùng lên sức mạnh như một vị anh hùng. Phẩm chất ấy giống như lòng yêu nước và sự kiên cường của dân tộc ta.

Sông Hương cũng là mạch nguồn tươi tốt bồi đắp cho một vùng văn hóa lịch sử của Huế - làng Thành Trung, thành cổ Châu Hóa. Suốt những trang văn cuối cùng của bài bút kí, tác giả đã kể rất nhiều những câu chuyện gắn với những địa danh ấy. Người đọc tìm thấy hình ảnh sông Hương xuất hiện thông qua các biểu thức chỉ xuất không gian: *Dải đất dài ven sông Hương, tả ngạn sông Hương, vùng bên kia sông, lưu vực sông Hương, hai bờ sông Hương, hạ lưu sông Hương*. Đó là dòng sông của một nền văn hóa, lịch sử và con người Huế.

2.2.4. Vẻ đẹp của sông Hương dưới góc nhìn văn hóa, thi ca

Về màu sắc Huế, Hoàng Phủ Ngọc Tường trong kí ức về màu áo cưới nơi kinh đô xưa này, đã nhận ra sương khói trên sông Hương cũng mang sắc tím huyền ảo ấy. Thiên nhiên đã khoác lên mình sông Hương màu sắc biểu tượng của văn hóa nơi đây. Về âm nhạc, chồn

để đô xưa ghi tên những làn điệu ca Huế đi vào lòng người. Âm thanh ấy ngân vang giữa muôn trùng sóng nước sông Hương tạo thành một không gian nghệ thuật đặc trưng. Và trong sự liên tưởng của nhà văn, mối hòa quyện ấy được thể hiện qua hai biểu thức *người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này*. Sông Hương là mạch nguồn để những giai điệu ca Huế vút cao, tạo nên một xứ Huế trong sáng, thư thái mà sâu lắng, êm đềm.

Bằng vốn kiến văn phong phú, Hoàng Phủ Ngọc Tường làm sống dậy hình ảnh dòng sông trong góc nhìn văn học qua các BTCV chỉ xuất không gian thuộc dạng cấu trúc thứ 4. Màu nước xanh bước hiện hòa của nó đã phủ lên trang văn, trang thơ của rất nhiều nghệ sĩ tài hoa: dòng sông trữ tình trong thơ Tản Đà, có khí phách mạnh mẽ trong thơ Cao Bá Quát, như chứa đựng cả nỗi buồn của cảnh chiều và lòng người trong cái nhìn của Bà Huyện Thanh Quan, trỗi dậy với sức sống mãnh liệt trong thơ Tố Hữu. Đó là một dòng sông của thi ca, đã khơi nguồn cảm hứng cho biết bao người cầm bút.

2.2.5. Vẻ đẹp của sông Hương trong mối quan hệ với vẻ đẹp Huế

a. Phương diện không gian và bối cảnh

Các BTCV chỉ xuất không gian đã dựng lên hình ảnh dòng sông trôi đi giữa núi cao Trường Sơn hùng vĩ, giữa màu sắc xanh biếc vô tận của cảnh vật, âm thanh quen thuộc của làng quê, không gian yên bình nơi miền đồng bằng phù sa êm ái, sự phồn hoa, hiện đại của thành phố... Nhà văn đã có sự phối cảnh hài hòa giữa sông Hương với vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên xứ Huế.

b. Vẻ đẹp của sông Hương cũng là biểu tượng của vẻ đẹp Huế

Có 14 BTCV sông Hương nhắc đến Huế với 4 phạm trù cơ bản: cảnh sắc thiên nhiên, âm nhạc, công trình kiến trúc, màu sắc đặc trưng. Tác giả chiếu vật sông Hương nhưng cũng đồng thời tái hiện được bức tranh xứ Huế. Vẻ đẹp Huế làm điểm tựa cho sông Hương tỏa sáng và dòng sông ấy với những nét đẹp như mang linh hồn của quê hương đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp của cố đô này. Căn cứ vào giá trị nghệ thuật, giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng của các BTCV, ta nhận thấy một số điểm chung sau giữa sông Hương và Huế: dòng sông thơ mộng, trữ tình nhưng cũng không kém phần trầm mặc, cổ thi–thiên nhiên Huế; dòng sông kiêu hãnh, oai hùng–lịch sử Huế, dòng sông âm nhạc, thi ca, vun đắp cuộc sống con người – văn hóa Huế; dòng sông dịu dàng, sâu lắng, thủy chung – tâm hồn con người Huế.

2.2.6. Phép chiếu vật với việc thể hiện và triển khai chủ đề của tùy bút

Chủ đề của tùy bút là ca ngợi vẻ đẹp huyền thoại của sông Hương cũng là vẻ đẹp của xứ Huế, con người Huế đồng thời thể hiện lòng yêu nước, yêu thiên nhiên, trân trọng các giá trị truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời. Về mặt biểu đạt, các BTCV đã thành công khắc họa điều đó. Bên cạnh đó, một trong những phương diện thể hiện rõ sự thành công của phép chiếu vật với việc triển khai chủ đề của tùy bút là sự tiếp nhận của người nghe (người đọc). Đích của các biểu thức chiếu vật là làm cho người nghe nhận biết được sự vật gì được nói tới trong diễn ngôn của mình. Người đọc không những nhận biết được sự vật – nghĩa chiếu vật sông Hương mà còn hiểu một cách sâu rộng và phân tích được những nét đẹp riêng của

nó. Đọc trang văn, trong tâm thức của nhiều người có lẽ sẽ hình thành một tình cảm riêng cho sông Hương, cho Huế, cho quê hương và có một lời ngợi ca thán phục trước ngòi bút tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Khi đó, phép chiếu vật đã không đơn thuần chỉ giúp người nghe, người đọc nhận biết được sông Hương nữa mà còn thành công bởi đã kết nối họ với sự vật được chiếu vật bằng một suy nghĩ, một niềm yêu mến đối với dòng sông thân thương của Tổ quốc này.

2.3. Các biểu thức chiếu vật thể hiện phong cách nghệ thuật của Hoàng Phủ Ngọc Tường

Ngôn từ tạo lập nên các biểu thức chiếu vật phong phú, đa dạng. Các danh từ giàu sức gợi hình, thuộc nhiều phạm trù sự vật khác nhau tạo ra những trường liên tưởng mới mẻ; các động từ diễn tả chân thực trạng thái của sông Hương; các tính từ đa sắc thái làm hiện lên một dòng sông đa tính cách. Những từ ngữ ấy không khô khan mà sinh động, đặc sắc và có hồn. Tất cả cho thấy bút lực dồi dào của nhà văn cùng khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện.

Ngòi bút tài hoa, uyên bác, giàu chất trí tuệ. Bằng vốn hiểu biết phong phú, kiến thức trải rộng trên nhiều lĩnh vực, nhà văn đã khám phá con sông trên nhiều phương diện: địa lí, văn hóa, lịch sử. Tác phẩm của ông như một tấm bản đồ bằng ngôn từ mà dựa vào đó, người ta có thể vẽ chính xác được thủy trình của sông Hương từ thượng nguồn đến biển, tìm thấy những vết tích của dòng sông trong dòng lịch sử, hiểu được rất nhiều giá trị văn hóa: sắc màu, âm nhạc cổ điển, vẻ trầm mặc, tính cách và con người Huế.

Khả năng quan sát, góc nhìn mới mẻ, suy tư đa chiều. Các biểu thức chỉ xuất không gian thể hiện sự đa dạng về phương tiện không gian quan sát, điểm nhìn sông Hương. Góc nhìn mới mẻ của nhà văn là vẻ đẹp của dòng sông ở thượng nguồn Trường Sơn. Người ta vốn chỉ nhìn ngắm và hiểu biết về con sông với vẻ phẳng lặng êm đềm ở thành phố nhưng có một sông Hương hùng vĩ, hoang dại và mãnh liệt đã xuất hiện trên trang văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Nhà văn có suy tư đa chiều khi đặt sông Hương vào nhiều phương diện để quan sát và miêu tả, luôn nhìn ngắm dòng sông trong mối quan hệ với con người, văn hóa, lịch sử Huế.

Sức liên tưởng kì diệu, lối so sánh, nhân hóa độc đáo. Hình ảnh liên tưởng, so sánh, nhân hóa của Hoàng Phủ Ngọc Tường vô cùng mới lạ. Dưới ngòi bút của nhà văn, sông Hương đã trở thành một con người có tâm hồn, có những cung bậc cảm xúc khác nhau.

Tình yêu say đắm, niềm tự hào về quê hương. Trong trái tim mỗi người luôn có hình bóng một dòng sông.... Với Hoàng Phủ Ngọc Tường, Sông Hương chính là tấm chân tình ấy. Sông Hương là một nguồn cảm hứng thi ca bất tận, như ngọn lửa thắp lên những đam mê khám phá và chiêm nghiệm không có giới hạn của nhà văn để rồi tập bút kí đầu tiên và cuối cùng của ông đều viết về cùng một dòng sông. Sông Hương là quá khứ và hoài niệm mà trong trái tim ông, vẫn luôn dành một chỗ “để thương, để nhớ”. Sông Hương là người bạn tâm giao, được nhà văn đặt trong cái nhìn toàn diện và sự thấu hiểu để phô diễn những nét đẹp tiềm tàng mà không phải ai cũng có đủ tầm nhìn để nhận biết nó. Sông Hương và tâm hồn nhạy cảm của người nghệ sĩ là mối tương giao, hòa quyện đến mức chặt chẽ khó có thể tách rời. Và sau tất cả, người ta thấy được một trái tim thuộc về cố đô. Nhà văn yêu con sông

quê hương và yêu Huế bằng tất cả tấm lòng, trí tuệ, công sức và tài hoa của mình. Chính điều đó đã làm nên những trang văn tuyệt bút với dòng cảm xúc sâu lắng, từng câu từng chữ là tâm sức của cả nửa đời người.

Những trang văn đậm màu sắc Huế. Có một điều gì đó rất riêng, rất Huế trong những trang văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường mà không nhà văn nào có được. Không chỉ vì những hình ảnh trong tác phẩm của ông đều là nét đặc trưng của văn hóa Huế mà còn bởi sự trải nghiệm, vốn sống, niềm tự hào và một khát khao tìm kiếm ẩn sâu trong ngòi bút của nhà văn yêu và hiểu Huế.

3. KẾT LUẬN

Hoàng Phủ Ngọc Tường đã sử dụng đa dạng các phương thức chiếu vật để đưa sông Hương vào tùy bút. Chất liệu cấu thành nên các biểu thức này là một hệ thống từ ngữ đa dạng, phong phú kết hợp với các biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh mới lạ. Khi đặt các biểu thức chiếu vật cạnh nhau, những góc nhìn về sông Hương hiện lên vô cùng rõ nét, với vẻ đẹp vừa thơ mộng, trữ tình lại không kém phần khoáng đạt, mạnh mẽ; trong cái đẹp về diện mạo bề ngoài là bề dày lịch sử, những lớp trầm tích văn hóa lắng sâu của một dòng Hương đa sắc thái, như món bảo vật mà thiên nhiên ưu ái ban tặng cho thành phố Huế. Bên cạnh đó, các BTCV còn thể hiện cách sử dụng ngôn ngữ uyên bác, tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu – Đỗ Việt Hùng (2010), *Giáo trình Ngữ dụng học*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2 – Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục.
3. Đỗ Việt Hùng - Nguyễn Thị Ngân Hoa (2006), *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. *Tuyển tập Hoàng Phủ Ngọc Tường tập 2* (2002), Nxb. Trẻ.

PRAGMATIC REFERENCE OF HUONG RIVER IN “AI DA DAT TEN CHO DONG SONG” BY HOANG PHU NGOC TUONG

Abstract: The authors of this article practiced the Reference Theory in Pragmatics to study the methods of reference and kinds of referents in which Hoang Phu Ngoc Tuong uses his work called “Ai da dat ten cho dong song”. The result shows that there are 142 references in his work, including: reference of proper nouns, reference of definite noun phrases, reference of indefinite noun phrase, and reference of pronouns. Hoang Phu Ngoc Tuong succeeded in using different referents to fully describe The Perfume River. To apply this Reference theory into writing requires diverse lexical resource, and outstanding use of rhetorical devices, like prosopopoeia and comparison. These references clearly draw The Perfume River from different perspectives, from the romance side, where people can see The Perfume River as poem, to the reality side, enormous and powerful. The Perfume River is also a perfect match to Hue, the city of history and culture. Furthermore, these references proves the extraordinary linguistics ability of Hoang Phu Ngoc Tuong.

Keywords: Pragmatic Reference, Huong River, Rhetorical devices